I. PHẠM VI KIẾN THỨC ÔN TẬP

1. Ôn tập các số đến 1 000 000.

2. So sánh các số có nhiều chữ số.

3. Làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

4. Ôn tập về bảng đơn vị đo khối lượng, giây, thế kỷ, đơn vị đo diện tích.

5. Giải toán có ba bước tính.

6. Ôn tập hình học: Góc nhọn – tù – bẹt.

7. Biểu thức có chứa chữ.

8. Ôn tập các phép tính số tự nhiên: Cộng – trừ.

II. CÁC DẠNG BÀI TẬP

Phần I. Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số liền trước của số 900 000 là:

A. 899 999 B. 889 999 C. 899 899 D. 989 999

Câu 2. Số?

527 9?0 > 527 985

A. 9 B. 1 C. 8 D. 0

Câu 3. Một chiếc tủ lạnh có giá 9 830 000 đồng. Người bán hàng tính giá 9 800 000 đồng. Như vậy, người bán hàng đã làm tròn giá tiền của chiếc tủ lạnh đến:

A. Hàng nghìn B. Hàng chục nghìn

C. Hàng trăm D. Hàng trăm nghìn

Câu 4. Số nào dưới đây viết thành 100 000 + 20 000 + 5000 + 600 + 7?

A. 125 670 B. 125 607 C. 102 567 D. 125 067

Câu 5. Giá trị của chữ số 9 trong số 129 564 783 là

A. 900 000 000 B. 90 000 000 C. 9 000 000 D. 900 000

Câu 6. Số?

5 tấn = ? kg

A. 50 B. 500 C. 5 000 D. 50 000

Câu 7. Kết quả tính 123 tạ x 3 là

A. 369 tạ B. 369 tấn C. 369 yến D. 369 kg

Câu 8. Người ta đóng 4 tạ 80 kg gạo vào các túi, mỗi túi 8 kg. Vậy số túi gạo đóng được là:

A. 55 túi B. 60 túi C. 62 túi D. 70 túi

Câu 9. Số?

LIVEWORKSHEETS

4 phút 10 giây = ? giây

A. 230 B. 240 C. 250 D. 260

Câu 10. Thời gian xe buýt dùng để đón và trả khách tại một điểm khoảng:

A. 60 ngày B. 60 giờ C. 60 phút D. 60 giây

.....

.....

.....

Phần II. Tự luận

1. Dạng 1: Ôn tập các số đến 1 000 000

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

Viết số	Trăm nghìn	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị
567 912						
582 495						
175 435						
985 076						

Bài 2. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a) Số gồm*: 7 trăm nghìn 8 chục nghìn 5 nghìn 7 năm 5 đơn vị.*

Viết là: …….

Đọc là: …….

b) Số gồm*: 8 trăm nghìn 5 nghìn 2 chục 7 đơn vị.*

Viết là: …….

Đọc là: …….

c) Số gồm*: 8 trăm nghìn 4 nghìn 2 trăm 9 chục 1 đơn vị.*

Viết là: …….

Đọc là: …….

Bài 3. Nối các số sau với tổng thích hợp:

963 207	500 000 + 70 000 + 5000 + 20 + 8
575 028	900 000 + 60 000 + 3 000 + 200 + 7
960 327	500 000 + 7 000 + 500 + 20 + 8
507 528	90 000 + 60 000 + 300 + 20 + 7

Bài 4. Cho các tấm thẻ số sau:

LIVEWORKSHEETS

Viết các số tròn nghìn có sáu chữ số lập được khi ghép các thẻ số trên:

……

2.Dạng 2: So sánh các số có nhiều chữ số.

Bài 5. >; <; = ?

211 360 ….. 210 600

181 202 ….. 161 200

17 144 530 ….. 19 411 540

171 253 789 ….. 171 344 205

6 155 311 ….. 6 000 000 + 200 000 + 9

56 000 080 ….. 50 000 000 + 6 000 000 + 80

Bài 6. Số?

77 ….. 589 < 771 031	24 290 187 > ….. 9 980 899
3 ….. 32 514 > 3 876 890	500 233 187 = 500…..33 187
256 155 = 2…..6 155	65 892 800 < 65…..02 000

Bài 7. Sắp xếp các số dưới đây theo thứ tự từ bé đến lớn.

762 928 825 389 765 327 815 246

……

20 785 000 19 574 000 20 875 000 21 205 000

……

3.Dạng 3: Làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

Bài 8. Hoàn thành bảng sau:

Số	Làm tròn đến		
	Hàng nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng trăm nghìn
6 353 600			
76 426 710			
125 880 501			

Bài 9. Làm tròn giá của các mặt hàng dưới đây đến hàng trăm nghìn:

LIVEWORKSHEETS

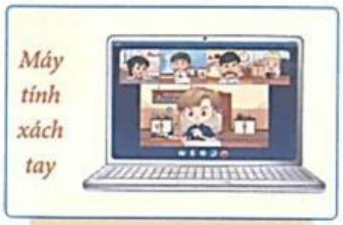

15 683 000 đồng

3 282 000 đồng

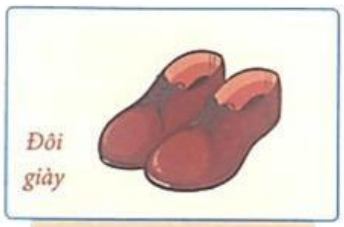

845 000 đồng

..... đồng ..... đồng ..... đồng

Bài 10. Dưới đây là bảng số liệu dân số của 4 tỉnh thành năm 2019.

Tỉnh	Cao Bằng	Bắc Ninh	Yên Bái	Hà Tĩnh
Số dân(người)	530 431	1 368 840	821 030	1 288 866

Viết lại số dân các tỉnh thành trên sau khi đã làm tròn đến hàng trăm nghìn:

Tỉnh	Cao Bằng	Bắc Ninh	Yên Bái	Hà Tĩnh
Số dân(người)				

.....

.....

.....

LIVEWORKSHEETS